

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

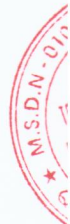
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC, là Công ty Cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại số 256 Đường Kim Giang – Quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 08 năm 2016)
Ông Lê Việt Dũng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 08 năm 2016)
Ông Lê Việt Dũng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Ông Hoàng Đức Thành	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Ông Hoàng Đức Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Ông Lê Minh Cảnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2016)
Ông Lê Việt Dũng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2016)
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 08 năm 2016)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Bảo Hiền	Trưởng ban	
Bà Ngô Thu Hằng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Bà Phạm Thị Nhung	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)
Bà Lê Thị Thúy Hằng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Văn Mỹ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM được lập ngày 09/01/2017, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 06 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả các khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh, Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy vay tiền với biện pháp đảm bảo tiền vay là tín chấp. Thời hạn cho vay của Hợp đồng vay tiền số 13/HĐV-PTM ngày 25/5/2016 (phụ lục hợp đồng số 13A/HĐV-HAX ngày 01/09/2016) và Hợp đồng vay tiền số 15/HĐV-PTM ngày 29/6/2016 (phụ lục hợp đồng số 15A/HĐV-HAX ngày 01/09/2016) với Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là đến 31/12/2016. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Trần Thị Mai Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0593-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		30.589.391.888	36.586.361.814
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.276.675.883	3.725.780.885
111	1. Tiền		4.776.675.883	3.725.780.885
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.811.212.582	29.648.127.132
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.017.748.578	818.551.128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.930.500.000	12.801.955.337
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	16.000.000.000	16.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	200.217.575	442.109.295
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(341.169.840)	(418.404.897)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.916.269	3.916.269
140	III. Hàng tồn kho	9	1.444.537.187	3.039.143.829
141	1. Hàng tồn kho		1.444.537.187	3.039.143.829
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		56.966.236	173.309.968
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	37.422.182
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	78.921.550
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	56.966.236	56.966.236
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.976.594.915	3.895.866.762
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.000.000	14.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	14.000.000	14.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.575.327.375	3.844.522.902
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.575.327.375	3.844.522.902
222	- Nguyên giá		5.858.926.702	8.260.877.002
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.283.599.327)	(4.416.354.100)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.387.267.540	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.387.267.540	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		-	37.343.860
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	37.343.860
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		34.565.986.803	40.482.228.576

LI
CỘ
CHỨ
NG
A
LÂN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.194.973.137	4.910.157.223
310	I. Nợ ngắn hạn		1.194.973.137	4.910.157.223
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	962.521.017	187.511.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	110.203.879	3.421.082.170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	15.722.715	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	15	93.264.778	1.288.302.839
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.260.748	13.260.748
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		33.371.013.666	35.572.071.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	33.371.013.666	35.572.071.353
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		42.000.000.000	42.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		42.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.771.908.814)	(6.570.851.127)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(6.570.851.127)	(5.374.710.121)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(2.201.057.687)	(1.196.141.006)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		34.565.986.803	40.482.228.576

Bùi Thị Thanh Nhân

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

Bùi Thị Thanh Nhân

Phụ trách kế toán



Trần Văn Mỹ

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	33.235.877.637	11.716.967.943
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.235.877.637	11.716.967.943
11	3. Giá vốn hàng bán	18	35.685.486.858	13.566.057.535
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.449.609.221)	(1.849.089.592)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.299.024.462	1.296.853.898
25	6. Chi phí bán hàng	20	90.809.158	74.298.402
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	214.865.305	463.100.747
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.456.259.222)	(1.089.634.843)
31	9. Thu nhập khác	22	64.804.785	474.854.785
32	10. Chi phí khác	23	809.603.250	581.360.948
40	11. Lợi nhuận khác		(744.798.465)	(106.506.163)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.201.057.687)	(1.196.141.006)
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.201.057.687)	(1.196.141.006)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(524)	(285)

Bùi Thị Thanh Nhân
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

Bùi Thị Thanh Nhân
Phụ trách kế toán




Trần Văn Mỹ
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		33.074.466.646	16.895.660.286
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(22.835.276.464)	(22.078.036.737)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.957.426.271)	(1.940.850.468)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		219.757.147	11.952.778.597
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.214.172.306)	(2.764.314.670)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.287.348.752	2.065.237.008
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.273.120.974)	(533.062.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	100.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(80.700.000.000)	(37.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		80.700.000.000	34.500.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	132.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.536.667.220	1.038.397.342
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		263.546.246	(2.262.664.658)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.550.894.998	(197.427.650)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.725.780.885	3.923.208.535
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	10.276.675.883	3.725.780.885


Bùi Thị Thanh Nhân
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017


Bùi Thị Thanh Nhân
Phụ trách kế toán


Trần Văn Mỹ
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là Công ty Cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất. Công ty được thành lập theo Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Nhựa kỹ thuật ngày 22 tháng 02 năm 2000 giữa Viện máy và dụng cụ công nghiệp Việt Nam, Công ty TNHH Trảng An và Công ty nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 42.000.000.000 VND (Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn). Tương đương 4.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngày 20/09/2016, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đã mua lại 3.984.208 cổ phiếu PTM chiếm 92,72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo hình thức phát hành cổ phiếu HAX hoán đổi cổ phiếu PTM theo tỷ lệ 10:8 (10 cổ phiếu PTM đổi được 08 cổ phiếu HAX) và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh và sửa chữa ô tô.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh số lỗ lũy kế là 8,772 tỷ đồng, trong đó Công ty đã lỗ 3 năm liên tiếp từ 2014 đến nay. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đang gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

- Thị trường đầu ra ô tô chịu áp lực cạnh tranh lớn về giá và chất lượng sản phẩm;
- Giá mua ô tô đầu vào và các chi phí sản xuất kinh doanh đi kèm ngày càng tăng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban

đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	769.889.559	365.846.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.006.786.324	3.359.934.596
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	-
	10.276.675.883	3.725.780.885

Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng có giá trị 5.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô với lãi suất từ 4,8%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Thép 998	68.492.600	-
- Công ty TNHH Bảo Hiểm Liberty	131.709.388	-
- Công ty xuất nhập khẩu vật tư kỹ thuật	68.800.000	68.800.000
- Ông Đặng Ngọc Tinh	268.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	480.746.590	749.751.128
	1.017.748.578	818.551.128
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	880.000	77.000.000

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Bảo Khánh Việt Nam	1.895.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư AP Việt Nam	-	-	12.767.600.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	35.500.000	-	34.355.337	-
	1.930.500.000	-	12.801.955.337	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ^[1]	13.000.000.000	9.000.000.000
- Hoàng Thu Hương	-	3.500.000.000
- Trần Xuân Bình	-	3.500.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Thúy ^[2]	3.000.000.000	-
	16.000.000.000	16.000.000.000

^[1] Bao gồm 03 hợp đồng vay với nội dung chi tiết sau đây:

- Hợp đồng vay tiền số 13/HĐV-PTM ngày 25/5/2016 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh: Số tiền cho vay 6,5 tỷ đồng; Thời hạn cho vay từ 25/05/2016 đến 31/08/2016; Lãi suất cho vay 6%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp. Được gia hạn đến 31/12/2016 theo phụ lục hợp đồng số 13A/HĐV-HAX ngày 01/09/2016.
- Hợp đồng vay tiền số 15/HĐV-PTM ngày 29/6/2016 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội: Số tiền cho vay 3,5 tỷ đồng; Thời hạn cho vay từ 29/06/2016 đến 28/10/2016; Lãi suất cho vay 6%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp. Được gia hạn đến 31/12/2016 theo phụ lục hợp đồng số 15A/HĐV-HAX ngày 01/09/2016.
- Hợp đồng vay tiền số 134/HĐV-PTM ngày 06/4/2016 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội: Số tiền cho vay 3 tỷ đồng; Thời hạn cho vay từ 13/10/2016 đến 12/04/2017; Lãi suất cho vay 6%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

^[2] Hợp đồng vay tiền số 300916/HĐV-PTM ngày 30/09/2016 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy: Số tiền cho vay 3,5 tỷ đồng; Thời hạn cho vay 1 năm kể từ 30/09/2016 đến 29/10/2017; Lãi suất cho vay 6%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp. Dự nợ gốc vay đến thời điểm 31/12/2016 là 3 tỷ đồng.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác				
- <i>Phải thu về bảo hiểm CBNV</i>	14.053.559	-	9.802.928	-
- <i>Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay</i>	155.912.798	-	393.555.556	-
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	30.251.218	30.251.218	38.750.811	30.251.218
	200.217.575	30.251.218	442.109.295	30.251.218
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	-	14.000.000	-
	14.000.000	-	14.000.000	-

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP sản xuất và chuyển giao công nghệ Việt Nam TBI	41.987.000	-	41.987.000	-
Công ty xuất nhập khẩu vật tư kỹ thuật	68.800.000	-	68.800.000	-
Công ty Hợp doanh DMC - FER	53.650.000	-	53.650.000	-
Các đối tượng khác	219.608.220	42.875.380	296.843.277	42.875.380
	384.045.220	42.875.380	461.280.277	42.875.380

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.444.537.187	-	1.675.507.465	-
Hàng hoá	-	-	1.363.636.364	-
	1.444.537.187	-	3.039.143.829	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Showroom Autohaus 256 Kim Giang (*)	1.387.267.540	-
	1.387.267.540	-

(*) Dự án Xây dựng và nâng cấp Showroom Autohaus 256 Kim Giang với tổng mức đầu tư dự kiến là 25 tỷ đồng và sẽ hoàn thành vào 25/02/2017.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Phong Nam	-	-	63.140.000	63.140.000
- Công ty cổ phần ô tô ASC	-	-	24.063.200	24.063.200
- Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm			48.134.081	48.134.081
- Công ty Cổ phần phụ tùng và tư vấn ô tô	62.040.000	62.040.000	-	-
- Công ty cổ phần quốc tế gốm sứ Việt	728.696.293	728.696.293	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	171.784.724	171.784.724	52.174.185	52.174.185
	962.521.017	962.521.017	187.511.466	187.511.466

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bùi Văn Long	-	1.810.000.000
- Nguyễn Thị Hương Giang	-	1.555.000.000
- Công ty Bảo Việt Hà Nội	5.907.220	17.897.220
- Công ty TNHH Thiết bị điện tử y tế	8.360.000	-
- Các đối tượng khác	95.936.659	38.184.950
	110.203.879	3.421.082.170

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	15.722.715	-	-	15.722.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.603.377	-	-	56.603.377	-
Thuế thu nhập cá nhân	362.859	-	-	362.859	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	234.931.194	234.931.194	-	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	232.957	232.957	-	-
	56.966.236	254.886.866	239.164.151	56.966.236	15.722.715

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	21.127.778	21.127.778
Bảo hiểm xã hội	9.737.000	602.543
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.400.000	1.266.572.518
- <i>Phụ cấp phải trả Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</i>	62.400.000	62.400.000
- <i>Phải trả khoản Ngân hàng chuyển nhầm tài khoản</i>	-	1.200.000.000
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	-	4.172.518
	93.264.778	1.288.302.839

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(5.374.710.121)	36.768.212.359
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(1.196.141.006)	(1.196.141.006)
Số dư cuối năm trước	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(6.570.851.127)	35.572.071.353
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(6.570.851.127)	35.572.071.353
Lỗi trong năm	-	-	-	(2.201.057.687)	(2.201.057.687)
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	(8.771.908.814)	33.371.013.666

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	38.942.080.000	92,72%	-	0%
Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	-	0%	6.042.000.000	14,39%
Bà Vũ Thị Hạnh	-	0%	7.638.170.000	18,19%
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	-	0%	3.957.750.000	9,42%
Ông Hoàng Đức Hùng	-	0%	2.977.000.000	7,09%
Bà Trần Thị Ngọc Tuyết	-	0%	2.621.460.000	6,24%
Bà Nguyễn Thu Hà	-	0%	2.300.000.000	5,48%
Các cổ đông khác	3.057.920.000	7,28%	16.463.620.000	39,20%
Cộng	42.000.000.000	100%	42.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	42.000.000.000	42.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	122.922.480	122.922.480
	122.922.480	122.922.480

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	27.774.545.636	4.247.083.046
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.461.332.001	7.469.884.897
	33.235.877.637	11.716.967.943
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	24.700.000	1.633.372.727

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	27.797.818.182	4.623.828.945
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.887.668.676	8.942.228.590
	35.685.486.858	13.566.057.535

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.299.024.462	1.283.653.898
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	13.200.000
	1.299.024.462	1.296.853.898

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.809.158	74.298.402
	90.809.158	74.298.402

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.984.934	206.609.755
Chi phí nhân công	80.473.558	45.874.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.606.239	50.120.583
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.211.820
Hoàn nhập dự phòng	(77.235.057)	74.029.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	31.500
Chi phí khác bằng tiền	40.035.631	82.222.151
	214.865.305	463.100.747

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ xử lý công nợ	2.404.785	4.448.410
Thu từ cho thuê văn phòng	-	470.386.602
Các khoản khác	62.400.000	19.773
	64.804.785	474.854.785

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	809.257.508	177.941.417
Chi phí cho thuê văn phòng	-	400.012.263
Các khoản bị phạt	234.293	1.500.000
Các khoản khác	111.449	1.907.268
	809.603.250	581.360.948

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(2.201.057.687)	(1.196.141.006)
Các khoản điều chỉnh tăng	47.180.000	40.800.000
- Chi phí không được trừ	1.280.000	
- Các khoản tiền phạt	-	1.500.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	45.900.000	39.300.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	13.200.000
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	-	13.200.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.153.877.687)	(1.168.541.006)
Lỗi năm trước chuyển sang	(5.766.304.201)	(4.597.763.195)
Lỗi chuyển sang năm sau	(7.920.181.888)	(5.766.304.201)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.201.057.687)	(1.196.141.006)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.201.057.687)	(1.196.141.006)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(524)	(285)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.267.566.403	3.982.463.625
Chi phí nhân công	2.127.974.699	2.086.561.909
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	757.815.331	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.851.382	923.859.540
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.211.820
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	(77.235.057)	74.029.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.331.214.673	1.633.035.411
Chi phí khác bằng tiền	40.944.722	84.259.918
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	11.283.132.153	8.788.422.211

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.276.675.883	-	3.725.780.885	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.231.966.153	(341.169.840)	1.274.660.423	(418.404.897)
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
	27.508.642.036	(341.169.840)	21.000.441.308	(418.404.897)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.055.785.795	1.475.814.305
	1.055.785.795	1.475.814.305

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.276.675.883	-	-	10.276.675.883
Phải thu khách hàng, phải thu khác	876.796.313	14.000.000	-	890.796.313
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000
Cộng	27.153.472.196	14.000.000	-	27.167.472.196
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.725.780.885	-	-	3.725.780.885
Phải thu khách hàng, phải thu khác	842.255.526	14.000.000	-	856.255.526
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000
Cộng	20.568.036.411	14.000.000	-	20.582.036.411

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.055.785.795	-	-	1.055.785.795
	1.055.785.795	-	-	1.055.785.795
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.475.814.305	-	-	1.475.814.305
	1.475.814.305	-	-	1.475.814.305

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán ô tô	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	27.774.545.636	5.461.332.001	33.235.877.637
Giá vốn	27.797.818.182	7.887.668.676	35.685.486.858
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(23.272.546)	(2.426.336.675)	(2.449.609.221)
Tổng chi phí mua tài sản cố định	1.672.877.896	328.939.371	2.001.817.267
Tài sản bộ phận	28.886.090.760	5.679.896.043	34.565.986.803
Tổng tài sản	28.886.090.760	5.679.896.043	34.565.986.803
Nợ phải trả của các bộ phận	998.614.699	196.358.438	1.194.973.137
Tổng nợ phải trả	998.614.699	196.358.438	1.194.973.137

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty phát sinh tại khu vực Miền Bắc Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	24.700.000	1.633.372.727
Mua vật tư hàng hóa			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	7.237.500	13.782.200
Lãi cho vay			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	608.630.557	840.756.945
Cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	23.500.000.000	12.500.000.000
Thu hồi gốc cho vay			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	19.500.000.000	9.500.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	880.000	77.000.000
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	39.000.000	50.555.556
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng xanh	Công ty mẹ	13.000.000.000	9.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	171.723.310	143.239.745

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Bùi Thị Thanh Nhân Người lập biểu Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017	Bùi Thị Thanh Nhân Phụ trách kế toán	Trần Văn Mỹ Tổng Giám đốc

